TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lê;
Ông Nguyễn Thế Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ánh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1979;
Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1980;
Cư trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Phạm Văn H tìm hiểu đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại xã S, sau đó đi làm thuê, làm mướn tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân là do bị đơn mất lòng tin, bất đồng quan điểm sống, nguyên đơn đã làm đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện S nhưng vì muốn níu kéo cho con có cha, có mẹ nên đã rút đơn về vợ chồng ở lại. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng hơn từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân. Do tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn

trầm trọng, tình cảm không còn, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 25/7/2012, hiện nay con đang sống với nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn Phạm Văn H tại biên bản lấy lời khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án trình bày: Bị đơn và nguyên đơn kết hôn với nhau trên cơ sở hợp pháp. Quá trình sống chung thì nguyên đơn không tôn trọng bị đơn và tự ý sống ly thân. Xét nguyên nhân mâu thuẫn chưa nghiêm trọng nên có nguyện vọng được đoàn tụ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không bổ sung lời khai mới.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung: Giao con chung Phạm Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 25/7/2012 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề nghị HĐXX giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Phạm Văn H có địa chỉ tại thôn Phong Hậu, xã Hòa Hội, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/01/2021, Tòa án căn cứ theo Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết M và bị đơn Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/8/2012 tại UBND xã Suối Bạc, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên, giấy chứng nhận số 42/2012, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn sống chung với nhau tại xã S, đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên đơn đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút lại đơn và được Tòa án nhân dân huyện S đình chỉ theo quyết định số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2018. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau.

Lời khai của bị đơn trình bày diễn biến sự việc và các sự kiện thời gian phù hợp với lời khai của nguyên đơn, tuy nhiên cho rằng chưa có mâu thuẫn nghiêm trọng, yêu cầu được đoàn tụ. Thực tế từ năm 2017 vợ chồng bà M, ông H đã phát sinh mâu thuẫn thể hiện qua việc nguyên đơn nộp đơn ly hôn tại Tòa án huyện S, đến năm 2021 thì mâu thuẫn nghiêm trọng hơn nên vợ chồng đã sống ly thân. Tòa án đã tiến hành hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và cho rằng không có khả năng đoàn tụ, do vậy yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà M, ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, HĐXX căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 25/7/2012, hiện nay con đang sống với nguyên đơn. Xét nguyện vọng của cháu Quy được sống với mẹ là phù hợp với yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn, bị đơn không thể hiện ý kiến tranh chấp về việc nuôi con. Do vậy, HĐXX căn cứ các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết M được nuôi con chung Phạm Nguyễn Ngọc Q.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét .

[6] Đối với các đề xuất của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với bị đơn Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 25/7/2012 cho nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu nên bị đơn không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét .

4. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004263 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã S
(*Giấy CNKH số 42/2012*);
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Thị Thu Hiền